

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 9 - 2022

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Sơn.

Ông Đoàn Công Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 228/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Nguyên Thị Th, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà 02, đường số 31, tổ 3, thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Trương Đình C, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số nhà 13, đường số 53, tổ 3, thôn 5, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; còn bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Nguyên Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Nguyên Thị Th và anh Trương Đình C đã kết hôn vào năm 2012; có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian vợ chồng sống chung thì xảy ra nhiều mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của mỗi người không hợp nhau nên thường xảy ra va chạm, cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc. Từ đó, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau nên chị làm đơn đến Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung tên Trương Minh S, sinh ngày 01/6/2013.

Nay, về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trương Đình C trình bày:

Nay tại Tòa án hòa giải thì anh Trương Đình C thống nhất toàn bộ nội dung do chị Đoàn Nguyên Thị Th đã trình bày theo nội dung tại đơn khởi kiện về việc ly hôn, cụ thể: Anh C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu xin ly hôn của chị Thời. Bởi anh đã xác định về tình cảm vợ chồng nay anh còn yêu thương chị nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung tên Trương Minh S, sinh ngày 01/6/2013

Nay về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện việc xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Đoàn Nguyên Thị Th và anh Trương Đình C, thể hiện tại biên bản xác minh ngày 11/7/2022 được ông Trần Văn H, là thôn trưởng Thôn 5, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cung cấp thông tin như sau: Quá trình chung sống giữa chị Th và anh C theo thông tin thì bản thân ông H được biết là do chị Th đi làm có quen ai đó, nên chị Th về nhà lấy đồ bỏ đi cho đến nay; hiện tại chị Th và anh C không còn sống chung với nhau nữa mà mỗi người sống một nơi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho chị Đoàn Nguyên Thị Th ly hôn với anh Trương Đình C.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không phải xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; còn nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt tại phiên tòa đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đoàn Nguyên Thị Th và anh Trương Đình C đã kết hôn vào năm 2012; có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian vợ chồng sống chung thì xảy ra nhiều mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của mỗi người không hợp nhau nên thường xảy ra va chạm, cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc, nên chị sống ly thân cho đến nay đã gần một năm. Từ đó, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau nên chị làm đơn đến Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nghĩ cần xử cho chị Th ly hôn anh C là phù hợp.

[2.2] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Nguyên Thị Th ly hôn anh Trương Đình C.

2. Về án phí DSST: Chị Đoàn Nguyên Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009401 ngày 11 tháng 5 năm 2022. Chị Đoàn Nguyên Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THA huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Mê Pu;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

